

JDF 1019	Decree Quyết định
A. District Court Tòa án Địa phương Colorado County: _____ Quận thuộc Colorado: _____ Mailing Address: _____ Địa chỉ nhận Thư: _____	<i>This box is for court use only.</i> Ô này chỉ dành cho tòa án.
B. Parties to the Case Các bên Tham gia Vụ việc Petitioner: _____ Nguyên đơn: & Respondent: _____ Bị đơn: <i>(or Co-petitioner – hereafter referred to as the Respondent)</i> <i>(hoặc Đồng nguyên đơn – sau đây gọi là Bị đơn)</i>	
	C. Case Details Chi tiết Vụ việc Number: _____ Số: Division: _____ Bộ phận: Courtroom: _____ Phòng xét xử:

1. Hearing

Điều trần

A hearing was not held after the parties filed a Non-Appearance Affidavit.
Một phiên điều trần đã không được tổ chức sau khi các bên nộp Bản tuyên thệ Vắng mặt.

A hearing was heard on *(date)* _____
Một phiên điều trần đã được tổ chức vào (ngày)

Petitioner: Attended. Did not Attend.

Nguyên đơn: Đã tham dự. Không tham dự.

Participated by absentee testimony.

Có sự tham gia của lời chứng thực từ người vắng mặt.

Was represented by: *(lawyer name)* _____

Được đại diện bởi: (tên luật sư)

Respondent: Attended. Did not Attend.

Bị đơn: Đã tham dự. Không tham dự.

Participated by absentee testimony.

Có sự tham gia của lời chứng thực từ người vắng mặt.

Was represented by: *(lawyer name)* _____
Được đại diện bởi: (tên luật sư)

2. Fact Findings

Kết luận Thực tế

The Court has examined the case file, the evidence presented, and any testimony at the hearing.
The Court makes the following findings:

*Tòa án đã xem xét hồ sơ vụ việc, các bằng chứng được đưa ra, và mọi lời chứng thực tại phiên điều trần.
Tòa án đưa ra kết luận sau:*

a) Jurisdiction

Quyền hạn

1) The Court has jurisdiction over the parties because:

Tòa án có thẩm quyền đối với các bên vì:

- The parties filed jointly on *(date)* _____
Các bên cùng nộp đơn vào (ngày)
- The Respondent was served with a Summons on *(date)* _____
Bị đơn đã được tổng đạt Giấy triệu tập vào (ngày)
In *(county)* _____
Tại (quận)
- The Respondent waived service on *(date)* _____
Bị đơn đã miễn trừ tổng đạt vào (ngày)
- Subject-matter jurisdiction based on publication *(date)* _____
Thẩm quyền đối với sự việc dựa trên công bố công khai (ngày)
- Other: _____
Khác:

2) Colorado Domicile:

Nơi cư trú ở Colorado:

- At least one party was domiciled in Colorado for more than 91 days before the Petition was filed.
Ít nhất một bên đã cư trú ở Colorado trong hơn 91 ngày trước khi Đơn xin được nộp.
- Neither party resides in Colorado, but the Civil Union was obtained here.
Không bên nào cư trú ở Colorado, nhưng việc Kết hợp Dân sự đã được thực hiện tại đây.

- 3) At least 91 days have passed since the Court acquired jurisdiction over the Co-Petitioner or Respondent or since the Court acquired jurisdiction over the subject matter based on publication.

Ít nhất 91 ngày đã trôi qua kể từ khi Tòa án có được thẩm quyền đối với Đồng nguyên đơn hoặc Bị đơn hoặc kể từ khi Tòa án có được thẩm quyền đối với sự việc dựa trên công bố công khai.

- 4) The marriage or civil union between the parties is irretrievably broken.
Cuộc hôn nhân hoặc kết hợp dân sự giữa các bên đã tan vỡ không thể cứu vãn.

b) Property and Financials

Tài sản và Tài chính

- The Property and Financial Agreement between the parties is considered conscionable as to support (*child and spousal support*) and division of property, debt, and assets.

Thỏa thuận về Tài sản và Tài chính giữa các bên được coi là hợp tình hợp lý trong việc hỗ trợ (cấp dưỡng cho con cái và vợ chồng) và phân chia bất động sản, nợ, và tài sản.

c) Parenting Plan

Kế hoạch Nuôi dạy Con cái

- All provisions in the Parenting Plan are in the children's best interests. This includes residence, decision-making responsibilities, and the parenting time plan.

Tất cả các điều khoản trong Kế hoạch Nuôi dạy Con cái đều mang lại lợi ích tốt nhất cho trẻ. Điều này bao gồm nơi cư trú, trách nhiệm ra quyết định, và kế hoạch về thời gian nuôi dạy con cái.

d) Name Restoration

Khôi phục Họ tên

- The name restoration request is not detrimental to any person.

Yêu cầu khôi phục họ tên không gây hại cho bất kỳ người nào.

3. Final Orders

Lệnh cuối cùng

The Court orders:

Tòa án ra lệnh:

a) Decreed

Quyết định

- A Decree of Dissolution is entered.

Quyết định Chấm dứt được ban hành.

The marriage / civil union is dissolved, and the parties are divorced.

Cuộc hôn nhân / kết hợp dân sự được chấm dứt và các bên đã ly hôn.

- A Decree of Legal Separation is entered.

Một Quyết định Ly thân Hợp pháp được ban hành vào.

The parties are now legally separated. A Separation can be converted to a Divorce after 182 days, and written notice is given to the other party.

Các bên hiện đã ly thân về mặt pháp lý. Ly thân có thể được chuyển thành Ly hôn sau 182 ngày, và thông báo bằng văn bản sẽ được gửi cho bên còn lại.

b) Permanent Orders

Lệnh vĩnh viễn

- The Property and Financial Agreement filed on *(date)* _____ is approved and incorporated into this Decree.

Thỏa thuận Tài sản và Tài chính nộp vào (ngày) _____ đã được phê duyệt và đưa vào trong Quyết định này.

- The Parenting Plan filed on *(date)* _____ is approved and incorporated into this Decree.

Kế hoạch Nuôi dạy Con cái được nộp vào (ngày) _____ đã được phê duyệt và đưa vào trong Quyết định này.

- The Court will issue separate written permanent orders by *(date)* _____

Tòa án sẽ ban hành các lệnh vĩnh viễn riêng biệt bằng văn bản trước (ngày)

- Other: _____

Khác:

c) Name Restoration

Khôi phục Họ tên

- The Petitioner's name is restored to: _____

Họ tên của Nguyên đơn được khôi phục thành:

- The Respondent's name is restored to: _____

Họ tên của Bị đơn được khôi phục thành:

d) Restraining Orders

Lệnh kiềm chế

A Protection / Restraining Order was issued on (date) _____

That Protection/Restraining Order is:

Một Lệnh Bảo vệ/Cấm Kiểm chế đã được ban hành vào (ngày)

Lệnh Bảo vệ/Kiểm chế đó được:

Vacated.

Hủy bỏ.

Continued to (date) _____ pursuant to C.R.S. § 13-14-106(1)(c);

Tiếp tục đến (ngày)

căn cứ theo C.R.S. § 13-14-

106(1)(c);

With no changes made to the existing Protection/Restraining Order.

Không có thay đổi nào được thực hiện đối với Lệnh Bảo vệ/Kiểm chế hiện tại.

The existing Protection / Restraining Order is changed as follows:

Lệnh Bảo vệ / Kiểm chế hiện tại được thay đổi như sau:

Note: If the Protection Order has been modified, the requesting party must serve a copy of the modified Order on the other party.

Lưu ý: Nếu Lệnh Bảo vệ đã được sửa đổi, bên yêu cầu phải tổng đạt một bản sao của Lệnh đã sửa đổi cho bên còn lại.

e) Other Orders

Lệnh khác

So Ordered

Ban hành Lệnh

By: _____

Bởi:

Judge Magistrate

Thẩm phán Quan tòa

Dated: _____

Ngày: